

Bản án số: 63/2020/HSST

Ngày: 13/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hg Quý Sửu

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hg Thị Lệ Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2020/HSST ngày 17/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HS ngày 02/3/2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Ph; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12 tháng 7 năm 1985, tại Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT: tổ 12, trị trấn T, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Đức H và bà Đàm Thị R (đều đã chết); chưa có chồng, con; tiền sự, tiền án: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 7 năm 1990, tại Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT: xóm C, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H; có vợ là Nguyễn Hồng Th; có 02 con; tiền sự, tiền án: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Hà Thị Thanh H1; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18 tháng 10 năm 1987, tại Sơn La; nơi đăng ký HKTT: tổ 8, phường Ch, thành phố S, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Cà Văn Ch và bà Hà Thị B; chưa có chồng, con; tiền sự; tiền án: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Quàng Thị H2; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 8 năm 1997, tại Sơn La; nơi đăng ký HKTT: Bản C, xã N, huyện

Mường La, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: La Ha; tôn giáo: Không; học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Quảng Văn H và bà Quảng Thị Y; chưa có chồng; có 01 con; tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến 30/11/2019; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 30 phút ngày 22/11/2019, tổ công tác của Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành kiểm tra hành chính phòng 305 của quán Karaoke P, thuộc tổ 13, phường Đ, thành phố Thái Nguyên, phát hiện trong phòng có Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1 và Quảng Thị H2. Ph khai nhận bản thân có cất giấu ma túy và t ự giác lấy từ trong túi xách giả da màu nâu của Ph đang để trên giường 01 túi ni lông màu tr ắng, bên trong chứa 03 viên nén màu hồng và 01 mảnh viên nén màu hồng, Ph khai đó là ma túy tổng hợp dạng “kẹo” của Ph, H, H1, H2 để cùng nhau sử dụng. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của Ph 4.400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong, cân xác định số viên nén và mảnh nén thu giữ của Nguyễn Thị Ph có khối lượng là: 0,925 gam (ký hiệu A1 gửi giám định).

Tại bản Kết luận giám định số 1486/KL-KTHS ngày 29/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số viên nén màu hồng trong mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 0,925 gam.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1, Quảng Thị H2 khai: Khoảng 18 giờ ngày 21/11/2019, Ph, H, H1, H2 cùng nhau đến quán Karaoke P thuộc tổ 13, phường Đ, thành phố Thái Nguyên để hát Karaoke. Trong khi đang hát thì có 01 nam thanh niên không quen biết vào phòng và hỏi mọi người “có dùng ma túy kẹo ke không”. Ph hỏi H, H2, H1 là có dùng ma túy kẹo ke không thì cả H, H2, H1 cùng đồng ý sử dụng. Tất cả cùng thống nhất mỗi người góp 500.000 đồng để mua ma túy “kẹo” để sử dụng. H2 đưa cho Ph 500.000 đồng, H, H1 nói với Ph cứ ứng tiền ra trước, khi nào thanh toán tiền mua ma túy thì sẽ đưa cho Ph sau. Ph nói với nam thanh niên là có sử dụng ma túy, Nam thanh niên đi ra ngoài, khoảng 05 phút sau quay lại đưa cho Ph 01 túi ni lông màu tr ắng, bên trong có 08 viên nén màu hồng và nói với nhóm của Ph là: “Chưa cần thanh toán tiền, cứ sử dụng đi, thanh toán sau” rồi đi ra ngoài. Ph, H, H2, H1 đã cùng nhau sử dụng 01 phần số ma túy vừa mua được. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, cả nhóm thuê phòng 305 của quán để nghỉ ngơi, Ph đã cất túi ni lông, bên trong có 3 viên nén màu hồng và 01 mảnh viên nén màu hồng là số ma túy cả nhóm chưa sử dụng vào túi xách của mình để mang lên phòng 305. Khi cả nhóm đang ở trong phòng 305, thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) bì niêm phong ký hiệu A1 bên trong chứa ma túy.
- 01 túi xách giả da màu nâu.

- Số tiền 4.400.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKSTPTN ngày 12/02/2020, VKSND thành phố Thái Nguyên truy tố Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1, Quảng Thị H2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1, Quảng Thị H2 khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên bản cáo trạng số 56/CT-VKSTPTN ngày 12/02/2020, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1, Quảng Thị H2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với Nguyễn Thị Ph; xử phạt Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1, Quảng Thị H2 từ 18 đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; tịch thu tiêu hủy vật chứng; tạm giữ số tiền 500.000 đồng của Quảng Thị H2, 3.900.000 đồng của Nguyễn Thị Ph để đảm bảo thi hành án.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, vật chứng thu được, Kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1, Quảng Thị H2 đã thỏa thuận góp chung tiền để mua chất ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 0,925 gam, nhằm mục đích sử dụng chung. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; đó là:... c) MDMA ...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

[3] Bản cáo trạng số 56/CT-VKSTPTN ngày 12/02/2020 VKSND thành phố Thái Nguyên truy tố Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1, Quảng Thị H2 theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[5] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Ph có bố đẻ là ông Nguyễn Đức H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về vai trò của các bị cáo:

[6] bị cáo Nguyễn Thị Ph là người khởi xướng việc góp tiền để mua ma túy về sử dụng, là người trực tiếp cất giữ số ma túy còn lại để các bị cáo sử dụng tiếp, Ph phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án. Các bị cáo khác cùng thống nhất góp tiền để mua ma túy sử dụng, nên tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm.

Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[6] Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Khi lượng hình, xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, nên xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo mua ma túy mục đích để sử dụng, không nhằm mục đích kiếm lời, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng: cần tịch thu, tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định niêm phong ký hiệu A1; Đối với số tiền 4.400.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị Ph, trong đó có 500.000 đồng của Quảng Thị H2 đưa cho Ph để mua ma túy, nhưng chưa sử dụng để mua ma túy, cần tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án cho Ph và H2.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với bị cáo Nguyễn Thị Ph;

- Xử phạt Nguyễn Thị Ph 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 22/11/2019.

- Xử phạt Nguyễn Văn H 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 22/11/2019.

- Xử phạt Hà Thị Thanh H1 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 22/11/2019.

- Xử phạt Quàng Thị H2 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/11/2019 đến ngày 30/11/2019.

2/ Căn cứ Điều 329 bộ luật tố tụng hình sự; Quyết định tạm giam các bị cáo Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1, mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3/ Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

4/ Về vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu, tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu A1, bên trong chứa ma túy, mặt sau phong bì có 02 dấu tròn của Phòng KTHS Công an tỉnh Thái Nguyên, có chữ ký của Nguyễn Thành Trung và Phạm Quang Tuấn.

4.2. Tạm giữ số tiền 3.900.000 của Nguyễn Thị Ph, 500.000 đồng của Quàng Thị H2 để đảm bảo thi hành án cho Ph và H2, tổng cộng là 4.400.000 đồng.

4.3. Trả lại Nguyễn Thị Ph 01 túi xách giả da màu nâu.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 203 ngày 10/3/2020 giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên; số tiền 4.400.000 đồng theo ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 21 ngày 26/02/2020, giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Kho bạc Nhà nước thành phố Thái Nguyên.

4/Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí: buộc bị cáo Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Văn H, Hà Thị Thanh H1, Quàng Thị H2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quý Sửu